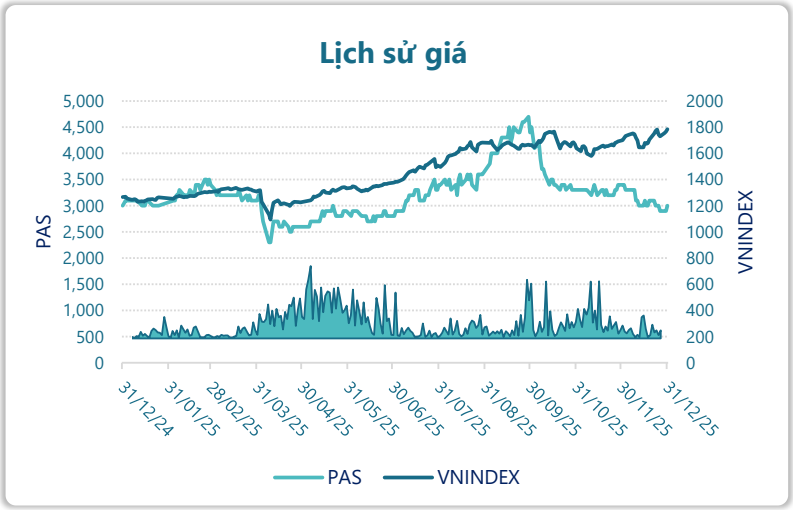
FireAnt

CTCP Quốc tế Phương Anh (UPCOM: PAS)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
SL cổ phiếu LH	28,049,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)	44,845
% sở hữu nước ngoài	1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	84
P/E	5.2
EPS	582

DT thuần

Q4/25

453

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 95.0| 26.6%

YoY: ▲ 198| 77.7%

LN sau thuế

Q4/25

12.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.8| 1240%

YoY: ▲ 3.13| 32.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.1%

+/- YoY: ▲ 1.4%

DT thuần

2025

1,658

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 590| 55.2%

LN sau thuế

2025

13.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.08| 216%

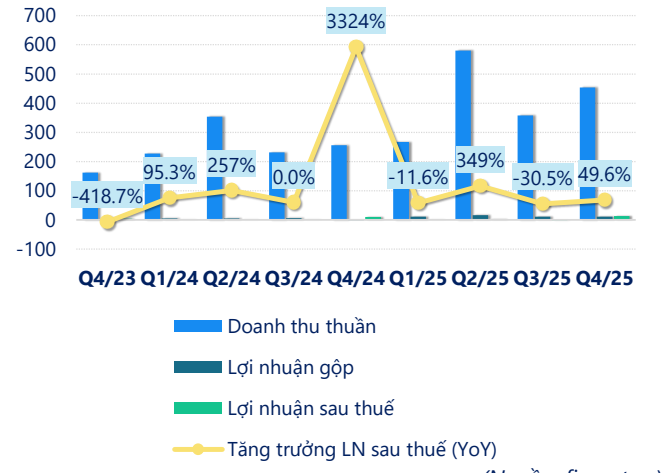
ROE

2025

3.7%

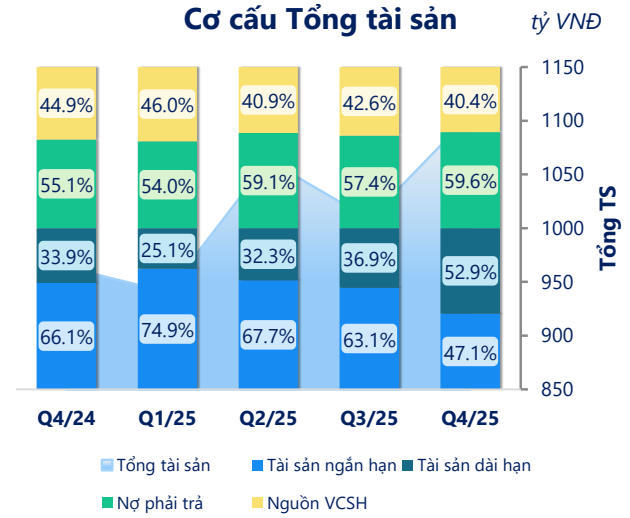
+/- YoY: ▲ 2.6%

Kết quả kinh doanh



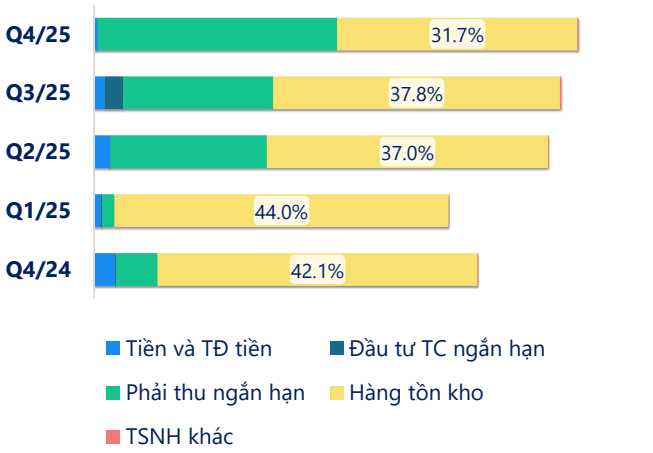
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



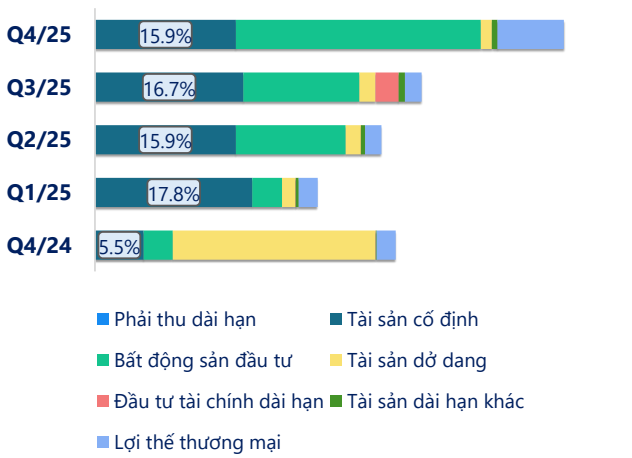
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



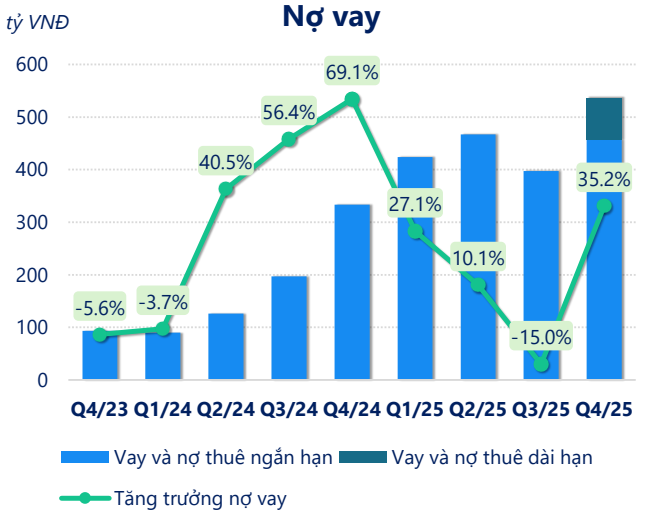
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



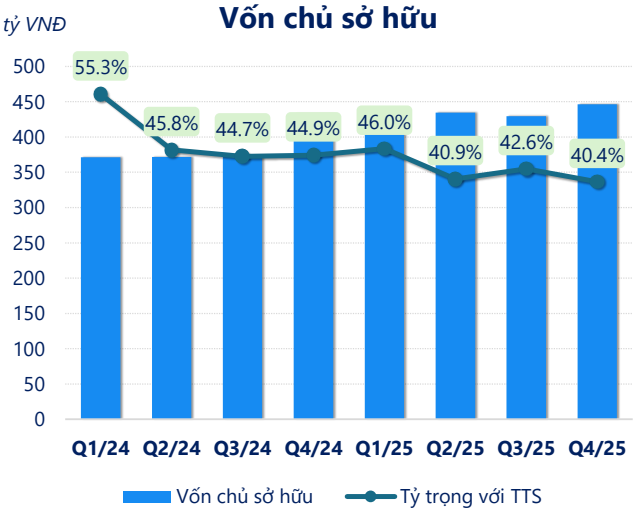
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



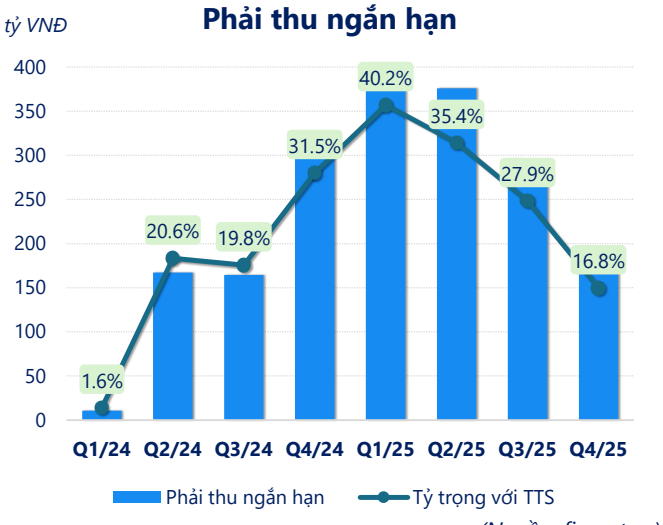
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



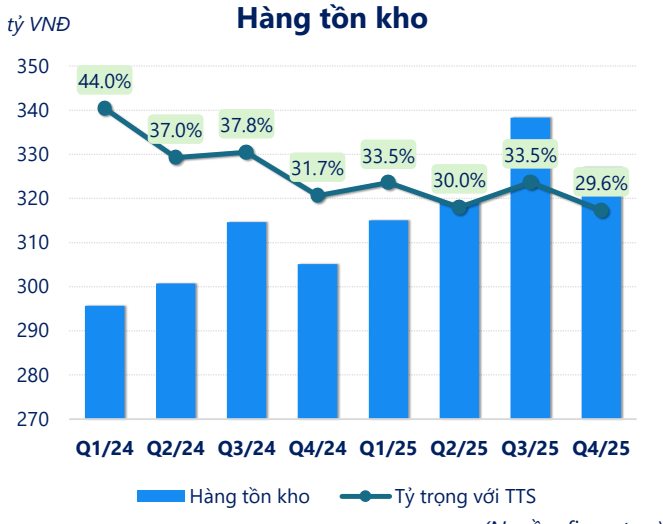
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



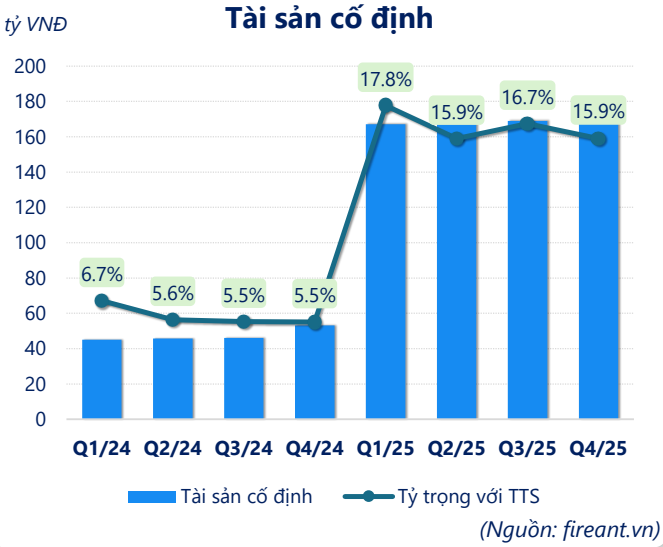
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



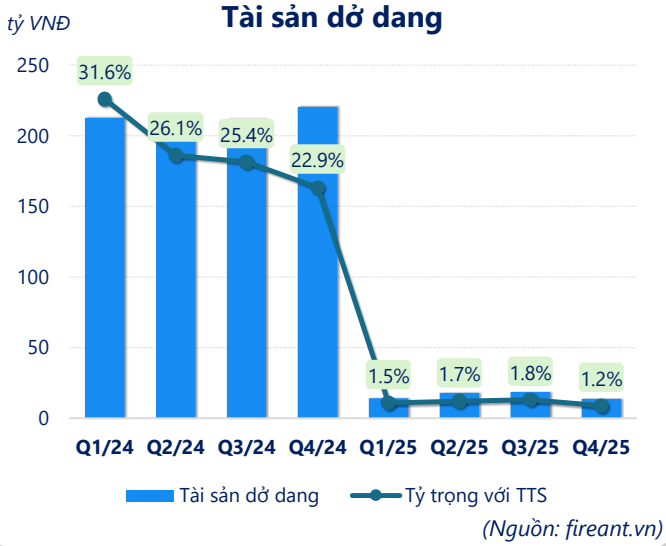
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



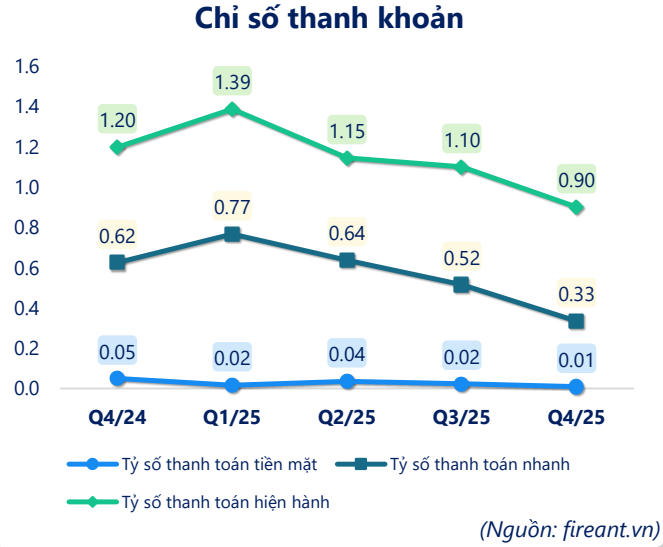
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



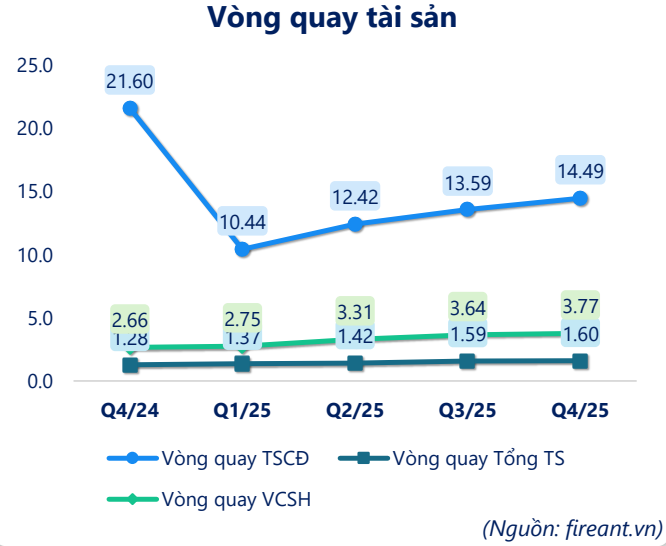
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**964**	**941**	**1,063**	**1,009**	**1,105**
Tài sản ngắn hạn	**637**	**704**	**720**	**637**	**520**
Tiền và tương đương tiền	26.5	8.51	22.6	14.0	5.37
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	304	378	376	282	186
Hàng tồn kho	305	315	319	338	327
Tài sản ngắn hạn khác	1.37	2.92	2.07	2.72	2.09
Tài sản dài hạn	**327**	**236**	**344**	**372**	**585**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	53.1	167	169	169	176
Bất động sản đầu tư	31.6	31.6	132	132	305
Tài sản dở dang	221	14.2	17.9	18.5	13.8
Đầu tư tài chính dài hạn	0.10	0.10	0.10	26.3	0
Tài sản dài hạn khác	1.21	3.23	5.03	7.00	6.88
Lợi thế thương mại	20.5	20.2	19.6	19.1	82.9
Nợ phải trả	**531**	**508**	**629**	**579**	**659**
Nợ ngắn hạn	**531**	**507**	**628**	**578**	**577**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	333	424	467	397	457
Phải trả người bán ngắn hạn	109	68.3	146	167	104
Nợ dài hạn	0.20	0.35	0.58	0.93	81.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	79.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	**433**	**433**	**434**	**429**	**446**
Vốn chủ sở hữu	**433**	**433**	**434**	**429**	**446**
Vốn điều lệ	280	280	280	280	280
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)